

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 130/TTr-SXD ngày 24/3/2026 và thực hiện Kết luận số 162-KL/TU ngày 17/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

- Tổ chức thực hiện rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với các trường hợp chuyển tiếp để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định lập mới hoặc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan để bảo đảm hoàn thiện chất lượng đô thị theo quy định làm cơ sở đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đồng bộ.

- Định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15; tổ chức rà soát, công khai công bố các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được theo từng giai đoạn của chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị.

2. UBND các xã, phường:

- Thực hiện rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với các trường hợp chuyển tiếp để lập mới hoặc điều chỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đô thị và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan để bảo đảm hoàn thiện chất lượng đô thị theo quy định làm cơ sở đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đồng bộ.

- Định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15; tổ chức rà soát, công khai công bố các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được theo từng giai đoạn của kế hoạch phát triển đô thị.

3. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu việc bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị và công bố việc công nhận loại đô thị trên địa bàn đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của ngân sách địa phương.

4. Các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hoàn thiện các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục và đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nội vụ, Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục I

Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(từ ngày 01/01/2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP			
ST T	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Thành phố Quy Nhơn	I	Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	1	Đô thị Quy Nhơn	II	
2	Thành phố Pleiku	I	Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ	2	Đô thị Pleiku	II	Căn cứ phạm vi ranh giới thành phố Pleiku trước đây so với đô thị Pleiku sau chuyển tiếp: đối với xã Biên Hồ hiện nay, phạm vi ranh giới diện tích chỉ bao gồm xã Biên Hồ trước đây; đối với xã Gào hiện nay, phạm vi ranh giới diện tích chỉ bao gồm xã Gào và xã Ia Kênh trước đây
3	Thị xã An Nhơn	III	Quyết định số 219/QĐ-BXD ngày 02/3/2021 của Bộ Xây dựng	3	Đô thị An Nhơn	II	
4	Thị xã Hoài Nhơn	IV	Quyết định số 879/QĐ-BXD ngày 25/10/2019 của Bộ Xây dựng	4	Đô thị Hoài Nhơn	III	
5	Thị xã An Khê	IV	Quyết định số 31/QĐ-BXD ngày 13/01/2003 của Bộ Xây dựng	5	Đô thị An Khê	III	Căn cứ phạm vi ranh giới thị xã An Khê trước đây so với đô thị An Khê sau chuyển tiếp: đối với phường An Bình hiện nay, phạm vi ranh giới diện tích chỉ bao gồm phường An Bình trước đây

6	Thị xã Ayun Pa	IV	Quyết định số 1901/2005/QĐ-BXD ngày 07/10/2005 của Bộ Xây dựng	6	Đô thị Ayun Pa	III	
7	Thị trấn Chư Sê	IV	Quyết định số 210/QĐ-BXD ngày 12/2/2015 của Bộ Xây dựng	7	Đô thị Chư Sê	III	
8	Thị trấn Phú Phong	IV	Quyết định số 748/QĐ-BXD ngày 25/6/2015 của Bộ Xây dựng	8	Đô thị Phú Phong	III	
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh		Thị trấn trước khi sắp xếp chưa được công nhận loại đô thị	9	Đô thị Vĩnh Thạnh	III	
10	Thị trấn Vân Canh	V	Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Bình Định	10	Đô thị Vân Canh	III	
11	Thị trấn An Lão	V	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 3/1/2007 của UBND tỉnh Bình Định	11	Đô thị An Lão	III	
12	Xã An Hòa	V	Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Bình Định	12	Đô thị An Hòa	III	
13	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	V	Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Bình Định	13	Đô thị Tăng Bạt Hổ	III	
14	Thị trấn Tuy Phước	V	Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định	14	Đô thị Tuy Phước	III	
15	Thị trấn Diêu Trì	V	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định	15	Đô thị Diêu Trì	III	

16	Xã Phước Lộc	V	Quyết định số 4819/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định	16	Đô thị Phước Lộc	III	
17	Xã Phước Hòa	V	Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định	17	Đô thị Phước Hòa	III	
18	Xã Phước Sơn	V	Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định	18	Đô thị Phước Sơn	III	
19	Thị trấn Phù Mỹ	V	Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Bình Định	19	Đô thị Phù Mỹ	III	
20	Thị trấn Bình Dương	V	Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh Bình Định	20	Đô thị Bình Dương	III	
21	Xã Mỹ Chánh	V	Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh Bình Định	21	Đô thị Mỹ Chánh	III	
22	Thị trấn Ngô Mỹ	V	Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định	22	Đô thị Ngô Mỹ	III	
23	Thị trấn Cát Tiến	V	Quyết định số 4814/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định	23	Đô thị Cát Tiến	III	
24	Thị trấn Cát Khánh	V	Quyết định số 5094/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định	24	Đô thị Cát Khánh	III	

25	Xã Tây Giang	V	Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Bình Định	25	Đô thị Tây Giang	III	
26	Thị trấn Kbang	V	Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 7/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	26	Đô thị Kbang	III	
27	Thị trấn Đak Đoa	V	Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	27	Đô thị Đak Đoa	III	
28	Thị trấn Ia Ly	V	Quyết định số 43/2006/QĐ-UBND ngày 30/6/2006 của UBND tỉnh Gia Lai	28	Đô thị Ia ly	III	
29	Thị trấn Phú Hoà	V	Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 7/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	29	Đô thị Phú Hoà	III	
30	Thị trấn Ia Kha	V	Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	30	Đô thị Ia Kha	III	
31	Thị trấn Kon Dong	V	Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	31	Đô thị Kon Dong	III	
32	Thị trấn Kông Chro	V	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	32	Đô thị Kông Chro	III	
33	Thị trấn Chư Ty	V	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	33	Đô thị Chư Ty	III	
34	Thị trấn Chư Prông	V	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	34	Đô thị Chư Prông	III	
35	Thị trấn Đak Pơ	V	Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 17/6/2008 của UBND tỉnh Gia Lai	35	Đô thị Đak Pơ	III	

36	Thị trấn Phú Túc	V	Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 7/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	36	Đô thị Phú Túc	III	
37	Thị trấn Phú Thiện	V	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	37	Đô thị Phú Thiện	III	
38	Thị trấn Nhơn Hoà	V	Quyết định số 88/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của UBND tỉnh Gia Lai	38	Đô thị Nhơn Hoà	III	
39	Trung tâm huyện Ia Pa	V	Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 07/07/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	39	Đô thị Ia Pa	III	

Ghi chú:

Phạm vi đô thị sau chuyển tiếp phải trùng với phạm vi đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị (hoặc thành lập thị trấn).

(2, 3) Đô thị được công nhận loại đô thị đến trước thời điểm ngày 01/7/2025.

(6) Tên đô thị sau chuyển tiếp theo tên đô thị, đơn vị hành chính đô thị trước chuyển tiếp.

(7) Loại đô thị sau chuyển tiếp được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

Phụ lục II**Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(từ ngày 01/01/2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP			SAU CHUYỂN TIẾP			
STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Đạt trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Phường Hải Cảng, phường Thị Nại, phường Trần Phú, phường Đống Đa	I	1	Phường Quy Nhơn	II	
2	Phường Nhơn Bình, xã Nhơn Hội, xã Nhơn Lý, xã Nhơn Hải	I	2	Phường Quy Nhơn Đông	III	Có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn (xã Nhơn Hội, xã Nhơn Lý, xã Nhơn Hải)
3	Phường Bùi Thị Xuân, xã Phước Mỹ	I	3	Phường Quy Nhơn Tây	III	Có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn (xã Phước Mỹ)
4	Phường Ngô Mây, phường Nguyễn Văn Cừ, phường Quang Trung, phường Ghềnh Ráng	I	4	Phường Quy Nhơn Nam	II	
5	Phường Trần Quang Diệu, phường Nhơn Phú	I	5	Phường Quy Nhơn Bắc	II	
6	Phường Bình Định, xã Nhơn Khánh, xã Nhơn Phúc	III	6	Phường Bình Định	III	
7	Phường Đập Đá, xã Nhơn Mỹ, xã Nhơn Hậu	III	7	Phường An Nhơn	III	
8	Phường Nhơn Hưng, xã Nhơn An	III	8	Phường An Nhơn Đông	III	

9	Phường Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ	III	9	Phường An Nhơn Nam	III	
10	Phường Nhơn Thành, xã Nhơn Phong, xã Nhơn Hạnh	III	10	Phường An Nhơn Bắc	III	
11	Phường Bồng Sơn, phường Hoài Đức	IV	11	Phường Bồng Sơn	III	
12	Phường Hoài Thanh, phường Tam Quan Nam, phường Hoài Thanh Tây	IV	12	Phường Hoài Nhơn	III	
13	Phường Tam Quan, xã Hoài Châu	IV	13	Phường Tam Quan	III	
14	Phường Hoài Hương, xã Hoài Hải, xã Hoài Mỹ	IV	14	Phường Hoài Nhơn Đông	III	
15	Phường Hoài Hảo, xã Hoài Phú	IV	15	Phường Hoài Nhơn Tây	III	
16	Phường Hoài Tân, phường Hoài Xuân	IV	16	Phường Hoài Nhơn Nam	III	
17	Phường Tam Quan Bắc, xã Hoài Sơn, xã Hoài Châu Bắc	IV	17	Phường Hoài Nhơn Bắc	III	
18	Phường Tây Sơn, phường Hội Thương, phường Hoa Lư, phường Phù Đông, xã Trà Đa	I	18	Phường Pleiku	III	Có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn (<i>xã Trà Đa</i>)
19	Phường Trà Bá, phường Chi Lăng, phường Hội Phú	I	19	Phường Hội Phú	II	
20	Phường Yên Thế, phường Đống Đa, phường Thống Nhất	I	20	Phường Thống Nhất	II	
21	Phường Yên Đỗ, phường Diên Hồng, phường Ia Kring, xã Diên Phú	I	21	Phường Diên Hồng	III	Có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn (<i>xã Diên Phú</i>)

22	Phường Thắng Lợi, xã Chư Á, xã An Phú	I	22	Phường An Phú	III	Có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn (xã Chư Á, xã An Phú)
23	Phường Tây Sơn, phường An Phú, phường Ngô Mây, phường An Phước, phường An Tân, xã Thành An	IV	23	Phường An Khê	III	
24	Phường An Bình, xã Tân An, xã Cư An	IV	24	Phường An Bình	III	
25	Phường Đoàn Kết, phường Sông Bờ, phường Cheo Reo, phường Hòa Bình	IV	25	Phường Ayun Pa	III	

Ghi chú:

(2, 3) Tên gọi và mức trình độ phát triển đô thị cơ sở hạ tầng đô thị của phường được cấp có thẩm quyền công nhận xác định đến trước thời điểm ngày 01/7/2025.

(5) Tên của phường sau chuyển tiếp xác định tại Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025.

(6) Phường trong đô thị loại nào sau chuyển tiếp thì được xác định đạt mức trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại đó.

Phường trong đô thị loại I, loại II được sắp xếp vào thời điểm ngày 01/7/2025 mà có thực hiện nhập, điều chỉnh địa giới với đơn vị hành chính nông thôn thì được xác định đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại III.